

Số: 791/2015/BC.KTTC-AASC.KT1

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

**Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh ("Công ty"), bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động Vốn chủ sở hữu và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 6 đến trang 35.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán phù hợp với yêu cầu của Chuẩn mực kiểm toán Quốc tế. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và tiến hành kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính riêng không còn có những sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán liên quan đến các số liệu và thông tin được trình bày trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm những đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trên báo cáo tài chính riêng là do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng của Công ty nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán thích hợp với từng tình huống cụ thể, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán được áp dụng, tính hợp lý của các ước tính kế toán do Ban Tổng Giám đốc đưa ra, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, các luồng lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo này lập trong khuôn khổ cuộc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh, chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho Ngân hàng Thế giới, Bộ Tài chính và các bên có liên quan khác trong khuôn khổ hợp đồng kiểm toán ký với Ban quản lý Dự án Quỹ Đầu tư phát triển địa phương.

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2015

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Dũng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0285-2013-002-1

Kiểm toán viên

Phạm Anh Tuấn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2013-002-1

C.T.T
HỮU HẠN
M. TOÁN
SC
EM - TP

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
100 A. Tài sản ngắn hạn		2.849.329.390.312	1.816.011.447.628
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2.794.935.073.353	1.708.204.514.430
111 1. Tiền		371.766.082.210	405.664.066.114
112 2. Các khoản tương đương tiền		2.423.168.991.143	1.302.540.448.316
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		53.855.432.948	106.813.255.826
132 2. Trả trước cho người bán		1.439.577.204	687.842.440
134 4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ của Quý	4	33.744.555.212	77.973.558.676
138 6. Các khoản phải thu khác	5	18.671.300.532	28.151.854.710
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		538.884.011	993.677.372
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn		263.112.799	538.725.412
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	165.561.727
158 5. Tài sản ngắn hạn khác	6	275.771.212	289.390.233
200 B. Tài sản dài hạn		7.769.241.082.433	8.164.303.616.565
210 I. Các khoản phải thu dài hạn		3.465.696.695.413	3.919.129.174.489
215 5. Phải thu cho vay đầu tư bằng vốn hoạt động		3.546.203.604.339	4.052.882.119.818
218 8. Dự phòng rủi ro cho vay	8	(80.506.908.926)	(133.752.945.329)
220 II. Tài sản cố định		106.078.262.332	112.919.014.976
221 1. Tài sản cố định hữu hình	9	44.878.015.688	51.445.127.115
222 - Nguyên giá		68.995.487.158	68.929.582.158
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(24.117.471.470)	(17.484.455.043)
227 3. Tài sản cố định vô hình	10	61.181.201.189	61.473.887.861
228 - Nguyên giá		62.074.828.600	62.014.828.600
229 - Giá trị hao mòn lũy kế		(893.627.411)	(540.940.739)
230 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		19.045.455	-
250 IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	4.191.232.546.985	4.128.024.334.307
251 1. Đầu tư vào công ty con		2.107.108.500.000	2.074.525.500.000
252 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		1.248.885.424.658	1.185.472.916.721
258 3. Đầu tư dài hạn khác		956.622.477.286	961.742.097.286
259 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(121.383.854.959)	(93.716.179.700)
260 V. Tài sản dài hạn khác		6.233.577.703	4.231.092.793
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	12	41.725.200	392.559.708
263 3. Đầu tư xây dựng dự án công trình	13	6.191.852.503	3.838.533.085
270 Tổng cộng tài sản		10.618.570.472.745	9.980.315.064.193

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
300 A. Nợ phải trả		4.213.596.952.778	3.976.269.509.556
310 I. Nợ ngắn hạn		155.190.476.135	170.000.967.014
312 1. Phải trả người bán		110.029.546	514.083.737
313 2. Người mua trả tiền trước		1.148.828.450	-
314 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	27.766.312.353	24.752.497.120
315 4. Phải trả người lao động		18.568.912.795	18.533.198.357
316 5. Chi phí phải trả		111.692.992	-
318 7. Phải trả lãi vốn huy động	15	26.084.797.123	25.452.484.220
319 8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16	81.399.902.876	100.748.703.580
330 II. Nợ dài hạn		4.058.406.476.643	3.806.268.542.542
333 3. Phải trả dài hạn khác	17	1.244.201.057	1.237.988.116
334 4. Vay và nợ dài hạn	18	3.549.127.884.435	3.432.002.430.777
341 9. Vốn nhận ủy thác cho vay đầu tư	19	483.442.600.822	370.952.827.119
342 - Vốn ủy thác cho vay đầu tư phải trả		2.831.552.942.965	2.434.413.954.249
343 - Phải thu về cho vay từ vốn nhận ủy thác		(2.348.110.342.143)	(2.063.461.127.130)
344 10. Hợp vốn đầu tư cho vay		-	-
345 - Số tiền nhận hợp vốn đầu tư cho vay phải trả		45.811.643.761	130.945.289.856
346 - Số tiền phải thu về cho vay từ tiền nhận hợp vốn		(45.811.643.761)	(130.945.289.856)
350 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		7.078.629.329	2.075.296.530
351 13. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ		17.513.161.000	-
400 B. Vốn chủ sở hữu		6.404.973.519.967	6.004.045.554.637
411 1. Vốn Ngân sách Nhà nước cấp		5.277.998.158.846	5.048.571.620.588
417 6. Quỹ đầu tư phát triển		-	182.472.130.727
420 8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.126.975.361.121	773.001.803.322
440 Tổng cộng nguồn vốn		10.618.570.472.745	9.980.315.064.193

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
7. Ngoại tệ các loại			
- Đô la Mỹ		1.808.726,77	1.804.214,80
- Euro		79,24	78,28
- Đô la Úc		69,98	69,98
8. Tài sản nhận thế chấp		6.723.868.732.905	6.434.485.466.619
9. Lãi chưa thu cho vay vốn nhận ủy thác		280.863.903.534	175.429.458.003

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2015

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu



Diệp Dũng

Lê Văn Bắc

Hoàng Tiên Đạt

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
01	1. Doanh thu		767.004.659.760 ✓	685.760.623.416
01.2	- Doanh thu lãi tiền cho vay		268.871.457.001	328.483.729.436
01.3	- Thu từ hoạt động đầu tư góp vốn		260.313.989.792	227.451.677.721
01.4	- Doanh thu lãi tiền gửi		120.416.916.085	106.969.881.575
01.5	- Thu phí hoạt động nhận ủy thác		13.537.095.071	15.456.761.424
01.6	- Thu phí ủy quyền phát hành trái phiếu địa phương		600.000.000	600.000.000
01.7	- Doanh thu cho thuê tài sản		6.240.795.727	5.850.935.909
01.8	- Doanh thu khác (*)		97.024.406.084	947.637.351
10	3. Doanh thu thuần		767.004.659.760	685.760.623.416
11	4. Chi phí hoạt động		151.460.852.058	228.785.481.166
11.2	- Chi phí lãi tiền vay		122.207.219.618	129.995.033.034
11.3	- Chi phí hoạt động đầu tư góp vốn		27.749.840.673	87.323.983.766
11.5	- Chi phí dự phòng rủi ro cho vay		29.972.748	10.375.973.146
11.7	- Chi phí khác		1.473.819.019	1.090.491.220
20	5. Lợi nhuận gộp		615.543.807.702	456.975.142.250
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	104.276.568.422	70.045.362.078
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		511.267.239.280	386.929.780.172
31	8. Thu nhập khác	21	55.101.715.780	85.508.524.058
32	9. Chi phí khác	22	110.082.684	1.051.544.455
40	10. Lợi nhuận khác		54.991.633.096	84.456.979.603
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		566.258.872.376	471.386.759.775
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23	67.394.421.620	64.854.708.218
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		498.864.450.756	406.532.051.557

(*): Doanh thu khác trong năm 2014, trong đó bao gồm doanh thu từ bán quyền mua trái phiếu chuyển đổi CII với số tiền là 58.132.360.000 VND; doanh thu chuyển nhượng cổ phiếu chuyển đổi từ trái phiếu CII số tiền là: 28.121.917.000 VND và doanh thu chuyển nhượng vốn của Công ty Cổ phần In Thanh Niên với số tiền là: 3.939.744.537 VND.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2015



Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Diệp Dũng

Lê Văn Bắc

Hoàng Tiến Đạt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2014

Theo phương pháp trực tiếp

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Tiền thu từ bán các khoản đầu tư trực tiếp, cho thuê tài sản		6.837.375.300	6.436.029.500
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	(35.850.362.886)		(28.377.797.120)
03	3. Tiền thu các khoản phí	14.137.095.071		16.056.761.424
04	4. Thu tiền lãi cho vay, lãi tiền gửi	393.580.321.214		378.786.670.671
05	5. Tiền chi trả lãi tiền vay	(120.881.475.316)		(123.891.127.129)
06	6. Chênh lệch tiền chi và thu cho vay	450.001.911.766		124.385.545.539
07	7. Tiền thu nhận vốn ủy thác cho vay đầu tư	425.712.463.796		418.377.030.431
08	8. Tiền chi cho vay từ vốn nhận ủy thác cho vay đầu tư	(420.547.133.195)		(86.981.742.925)
14	14. Tiền chi trả cho người lao động	(37.260.652.999)		(32.310.176.470)
15	15. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(62.569.279.217)		(78.076.062.039)
16	16. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh (i)	309.313.953.583		541.305.011.028
17	17. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh (ii)	(295.444.599.213)		(871.454.093.764)
d	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		627.029.617.904	264.256.049.146
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	(462.450.455)		(1.794.023.180)
22	2. Thu tiền từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	957.300.000		30.845.455
23	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(19.724.380.000)		(84.653.080.000)
24	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	38.242.492.063		55.208.690.480
25	5. Tiền chi đầu tư khác	(2.353.319.418)		-
26	6. Tiền thu đầu tư khác	268.698.986.091		191.287.583.321
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		285.358.628.281	160.080.016.076
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
33	3. Tiền thu từ đi vay	482.135.081.964		-
34	4. Tiền trả nợ vay	(308.333.024.593)		(272.215.433.964)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		173.802.057.371	(272.215.433.964)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		1.086.190.303.556	152.120.631.258
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.708.204.514.430	1.555.616.791.305
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		540.255.367	467.091.867
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	2.794.935.073.353	1.708.204.514.430

(i): Thu khác từ hoạt động kinh doanh, trong đó bao gồm: 68.827.122.420 VND tiền mua quyền mua và tiền đặt cọc mua quyền mua trái phiếu chuyển đổi CII; 1.327.666.664 VND tiền thù lao Đại diện vốn và Ban kiểm soát do các công ty chuyển cho HFIC; 85.133.646.095 tiền thu nợ gốc các hợp đồng tín dụng cho vay hợp vốn, đồng tài trợ và 135.897.918.182 VND tiền thu hồi cho vay từ nguồn vốn ủy thác.

(ii): Chi khác từ hoạt động kinh doanh trong đó bao gồm tiền nộp vào ngân sách nhà nước khoản lợi nhuận sau khi trích lập các quỹ, tiền thuế thu nhập cá nhân và thuế giá trị gia tăng với số tiền là: 139.495.377.929 VND; chi quỹ khen thưởng phúc lợi số tiền: 5.665.751.000 VND; chuyển trả tiền vốn nhận ủy thác số tiền: 28.573.475.080 VND và chi trả nợ gốc cho các đơn vị tham gia hợp vốn số tiền: 85.133.646.095 VND.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2015

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu



Diệp Dũng

Lê Văn Bắc

Hoàng Tiến Đạt

